

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000796	Lê Phú An	6	11A1
2	000755	Bùi Diệp Anh	4	11A1
3	000764	Hoàng Đoàn Diệu Anh	5	11A1
4	001016	Lê Thị Hồng Anh	15	11A1
5	000980	Nguyễn Thụy Hồng Anh	14	11A1
6	000961	Phạm Ngọc Phi Bảo	13	11A1
7	001136	Nguyễn Thăng Ca	20	11A1
8	001046	Phạm Quốc Cường	16	11A1
9	001037	Nguyễn Thế Đức	16	11A1
10	001028	Đinh Nguyệt Hà	16	11A1
11	000921	Trịnh Thanh Hà	11	11A1
12	000700	Ngô Nhật Huy	2	11A1
13	000725	Nguyễn Ngọc Huyền	3	11A1
14	001159	Hồ Minh Hưng	21	11A1
15	000738	Nguyễn Minh Khải	4	11A1
16	000975	Trần Anh Khoa	13	11A1
17	000751	Lữ Đình Kiên	4	11A1
18	001163	Nguyễn Hoàng Mai Linh	21	11A1
19	000880	Trần Khánh Linh	9	11A1
20	001167	Trần Hiệp Kim Long	21	11A1
21	000739	Lê Anh Minh	4	11A1
22	000861	Trần Anh Minh	9	11A1
23	001173	Thân Đức Nghĩa	22	11A1
24	000742	Nguyễn Thiên Nguyên	4	11A1
25	001177	Kao Thơ Nhã	22	11A1
26	000707	Nguyễn Bá Nhân	2	11A1
27	000686	Nguyễn Huỳnh Xuân Nhân	1	11A1
28	001014	Phan Thảo Nhi	15	11A1
29	001106	Nguyễn Minh Phương	19	11A1
30	001035	Võ Hoàng Y Phương	16	11A1
31	000962	Huỳnh Mai Bảo Quỳn	13	11A1
32	000998	Nguyễn Lê Đan Thanh	14	11A1
33	000779	Từ Xuân Thịnh	5	11A1
34	000987	Huỳnh Hưng Huyền Thoại	14	11A1
35	001045	Lê Văn Tiền	16	11A1
36	000954	Phạm Huỳnh Bảo Toàn	13	11A1
37	000896	Nguyễn Lâm Ngọc Trang	10	11A1
38	000763	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trân	5	11A1
39	000955	Trần Cát Tường	13	11A1
40	000781	Trần Dương Lợi Vĩ	5	11A1
41	000688	Dương Nguyễn Khánh Vy	1	11A1
42	001169	Nguyễn Trần Hà Minh	22	11A1

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000758	Phùng Ngọc Minh Anh	4	11A2
2	000761	Trần Nhật Anh	5	11A2
3	001011	Nguyễn Trần Gia Bảo	15	11A2
4	000985	Trần Thiên Bảo	14	11A2
5	000945	Trịnh Gia Bảo	12	11A2
6	000675	Trần Tâm Châu	1	11A2
7	000689	Lương Phương Dung	2	11A2
8	000706	Trương Minh Duy	2	11A2
9	000744	Lê Thành Đạt	4	11A2
10	000697	Lê Đình Khánh Đoàn	2	11A2
11	000804	Nguyễn Việt Đức	6	11A2
12	000756	Hà Thị Ngọc Hân	4	11A2
13	000909	Lê Hoàng Gia Hân	11	11A2
14	000750	Vũ Khánh Hoàng	4	11A2
15	001160	Nguyễn Hữu Thanh Hương	21	11A2
16	000852	Phan Đình Nguyên Khang	8	11A2
17	001034	Hoàng Ngọc Hương Lan	16	11A2
18	000784	Nguyễn Trần Phương Linh	5	11A2
19	000805	Mai Chánh Lộc	6	11A2
20	000800	Trần Tuấn Minh	6	11A2
21	000902	Nguyễn Lê Hà My	10	11A2
22	001139	Trần Quốc Nam	20	11A2
23	000668	Võ Ngọc Phương Nghi	1	11A2
24	000757	Huỳnh Tiên Bảo Ngọc	4	11A2
25	000783	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	5	11A2
26	000678	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	1	11A2
27	001000	Nguyễn Vũ Nguyên	14	11A2
28	000699	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	2	11A2
29	000789	Dương Ngọc Diễm Phúc	6	11A2
30	000775	Tăng Phúc Quân	5	11A2
31	000795	Huỳnh Duy Tấn	6	11A2
32	000702	Trần Thị Thanh Thảo	2	11A2
33	000692	Đinh Kiều Bích Thùy	2	11A2
34	000709	Cao Vũ Anh Thư	2	11A2
35	000730	Lý Mạnh Tú	3	11A2
36	000712	Trần Anh Tú	2	11A2
37	000792	Đào Anh Tùng	6	11A2
38	000790	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	6	11A2
39	000957	Nguyễn Thị Hoa Vân	13	11A2
40	000794	Nguyễn Đoàn Diễm Vy	6	11A2
41	000768	Nguyễn Võ Nhật Vy	5	11A2
42	000801	Trần Lê Triệu Vy	6	11A2
43	000713	Võ Tường Vy	3	11A2

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001240	Bùi Ngọc Trâm Anh	25	11A3
2	001253	Hồ Hồng Anh	25	11A3
3	001198	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	23	11A3
4	001211	Trần Hồng Anh	23	11A3
5	001242	Trương Minh Anh	25	11A3
6	001257	Nguyễn Võ Thiên Bảo	26	11A3
7	001250	Nguyễn Thùy Dương	25	11A3
8	001213	Vương Tâm Đan	23	11A3
9	001256	Võ Thị Sen Hà	25	11A3
10	001258	Trần Hoàng Gia Huy	26	11A3
11	001236	Hoàng Thị Quỳnh Hương	25	11A3
12	001216	Nguyễn Thị Hồng Lam	24	11A3
13	001217	Đoàn Thị Diệu Linh	24	11A3
14	001243	Hoàng Ngọc Linh	25	11A3
15	001215	Nguyễn Thị Mỹ Linh	24	11A3
16	001214	Phạm Trần Khánh Linh	24	11A3
17	001233	Nguyễn Xuân Mai	24	11A3
18	001212	Nguyễn Đỗ Thanh Ngân	23	11A3
19	001234	Nguyễn Phương Ngân	24	11A3
20	001204	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	23	11A3
21	001237	Trần Ngọc Đông Nghi	25	11A3
22	001200	Đỗ Huỳnh Như Ngọc	23	11A3
23	001202	Phạm Khánh Ngọc	23	11A3
24	001210	Nguyễn Nguyệt Hiền Nhi	23	11A3
25	001238	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	25	11A3
26	001203	Bùi Thanh Tâm	23	11A3
27	001218	Trần Nguyễn Thảo Tâm	24	11A3
28	001222	Vũ Minh Tân	24	11A3
29	001248	Đinh Thị Phương Thanh	25	11A3
30	001205	Đỗ Trịnh Thanh Thảo	23	11A3
31	001247	Lê Ngọc Thảo	25	11A3
32	001197	Nguyễn Hoàng Phương Thùy	23	11A3
33	001201	Nguyễn Thanh Hoài Thương	23	11A3
34	001229	Trần Lê Thy	24	11A3
35	001208	Đỗ Nguyễn Phương Uyên	23	11A3
36	001277	Nguyễn Mạnh Trúc Vy	26	11A3
37	001228	Nguyễn Hải Yến	24	11A3
38	001235	Nguyễn Hoàng Yến	25	11A3
39	001199	Nguyễn Thị Ngọc Yến	23	11A3
40	001221	Nguyễn Trần Lê Vy	24	11A3
41	001259	Nguyễn Thị Thanh Hiền	26	11A3
42	001241	Trần Phạm Ngọc Nam	25	11A3
43	001255	Phạm Trần Quốc Huy	25	11A3

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001260	Trần Nguyễn Bình An	26	11A4
2	001209	Trương Thị Hoài An	23	11A4
3	001223	Phan Lê Văn Anh	24	11A4
4	001239	Nguyễn Thị Thiên Duyên	25	11A4
5	001251	Dương Ngọc Bảo Hân	25	11A4
6	001232	Nguyễn Hồng Hân	24	11A4
7	001262	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	26	11A4
8	001261	Trương Bảo Hân	26	11A4
9	001263	Vũ Huy Hoàng	26	11A4
10	001225	Nguyễn Lê Tân Hưng	24	11A4
11	001219	Lê Tuấn Kiệt	24	11A4
12	001220	Nguyễn Phương Linh	24	11A4
13	001249	Nguyễn Thu Linh	25	11A4
14	001264	Trịnh Nguyễn Thùy Linh	26	11A4
15	001265	Nguyễn Minh Luận	26	11A4
16	001266	Lê Đăng Mạnh	26	11A4
17	001206	Phạm Triệu Mẫn	23	11A4
18	001231	Lê Thị Tuyết Ngân	24	11A4
19	001267	Ngô Lê Trung Nghĩa	26	11A4
20	001196	Hứa Tôn Nhân	23	11A4
21	001224	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	24	11A4
22	001245	Trần Huỳnh Thảo Nhi	25	11A4
23	001207	Trần Ngọc Nguyên Nhi	23	11A4
24	001227	Trần Thị Yên Nhi	24	11A4
25	001195	Võ Huỳnh Khánh Như	23	11A4
26	001268	Trần Phương Phi	26	11A4
27	001254	Phan Nguyễn Hương Quỳnh	25	11A4
28	001193	Lê Ngọc Thảo	23	11A4
29	001252	Nguyễn Phương Thảo	25	11A4
30	001270	Huỳnh Hoàng Thư	26	11A4
31	001269	Nguyễn Thị Anh Thư	26	11A4
32	001244	Nguyễn Võ Anh Thư	25	11A4
33	001246	Nguyễn Việt Thương	25	11A4
34	001272	Nguyễn Yên Trang	26	11A4
35	001271	Tăng Thùy Trang	26	11A4
36	001273	Nguyễn Ngọc Trần	26	11A4
37	001194	Nguyễn Thanh Hà Trân	23	11A4
38	001274	Nguyễn Bảo Thoại Trinh	26	11A4
39	001226	Phạm Lê Anh Tú	24	11A4
40	001230	Hồ Việt Tường	24	11A4
41	001275	Nguyễn Đình Cát Tường	26	11A4
42	001276	Bạch Dương Khánh Vy	26	11A4
43	001278	Trần Tường Vy	26	11A4

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000960	Lương Xuân Bách	13	11A5
2	000916	Trần Quốc Bang	11	11A5
3	000740	Nguyễn Thị Thanh Bình	4	11A5
4	000732	Tạ Mỹ Tuyết Doanh	3	11A5
5	000723	Trần Hoàng Thiên Dung	3	11A5
6	000931	Nguyễn Huỳnh Triều Gia	12	11A5
7	000780	Phan Châu Giang	5	11A5
8	000749	Nguyễn Đức Việt Hải	4	11A5
9	000680	Trần Quang Huy	1	11A5
10	000754	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	4	11A5
11	000847	Lê Anh Khoa	8	11A5
12	000899	Nguyễn Tuấn Khoa	10	11A5
13	001027	Nguyễn Đăng Khôi	16	11A5
14	000741	Nguyễn Minh Khuê	4	11A5
15	000736	Vũ Diệu Linh	3	11A5
16	000885	Trần Ngọc Xuân Mai	10	11A5
17	001105	Nguyễn Khắc Bảo Minh	19	11A5
18	000913	Hoàng Nhật Nam	11	11A5
19	000704	Lê Bùi Ngọc Ngân	2	11A5
20	000970	Vũ Hoàng Nghĩa	13	11A5
21	000946	Nguyễn Vũ Kim Ngọc	12	11A5
22	000940	Nguyễn Hoàng Thu Nhi	12	11A5
23	000693	Nguyễn Vũ Yên Nhi	2	11A5
24	000705	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	2	11A5
25	000727	Lưu Sanh Nữ	3	11A5
26	000787	Lộc Lê Minh Phúc	6	11A5
27	000767	Dương Thanh Phước	5	11A5
28	000984	Trần Phương Thảo	14	11A5
29	000932	Mai Quốc Thắng	12	11A5
30	000724	Lê Hà Trường Thiên	3	11A5
31	000760	Đỗ Nguyễn Minh Thư	4	11A5
32	001007	Trần Quế Trân	15	11A5
33	000695	Nguyễn Ngọc Anh Tú	2	11A5
34	000753	Nguyễn Anh Tuấn	4	11A5
35	000793	Dương Hoàng Tú Uyên	6	11A5
36	000951	Lê Trọng Vinh	12	11A5
37	000843	Trà Ngọc Nguyên Vũ	8	11A5
38	000841	Đặng Nguyễn Đa Vy	8	11A5
39	000674	Tạ Lê Thảo Vy	1	11A5

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000965	Giáp Thị Minh Anh	13	11A6
2	000718	Nguyễn Hải Anh	3	11A6
3	000722	Trương Nguyễn Quỳnh Anh	3	11A6
4	000719	Nguyễn Đình Quốc Bảo	3	11A6
5	000877	Nguyễn Trịnh Phi Chính	9	11A6
6	000973	Phạm Quốc Cường	13	11A6
7	000942	Hoàng Anh Dũng	12	11A6
8	000772	Nguyễn Diệu Thùy Dương	5	11A6
9	001008	Trần Hữu Đạt	15	11A6
10	000838	Đỗ Huỳnh Đông	8	11A6
11	001111	Hoàng Trọng Giáp	19	11A6
12	000918	Nguyễn Lê Gia Hân	11	11A6
13	000890	Dương Thanh Hoài	10	11A6
14	000679	Hoàng Nhật Huy	1	11A6
15	000842	Lê Đức Ngọc Huy	8	11A6
16	000672	Nguyễn Phúc Huy	1	11A6
17	001098	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	19	11A6
18	000720	Ngô Đăng Khoa	3	11A6
19	000665	Nguyễn Đăng Khôi	1	11A6
20	000747	Nguyễn Đình Đăng Khôi	4	11A6
21	000999	Nguyễn Đoàn Khánh Linh	14	11A6
22	000759	Nguyễn Mỹ Linh	4	11A6
23	000927	Hồ Cảnh Minh	11	11A6
24	000966	Hàng Bảo Ngọc	13	11A6
25	001176	Nguyễn Trí Nguyễn	22	11A6
26	001118	Nguyễn Ngọc Nhi	19	11A6
27	000726	Phạm Quang Đại Phúc	3	11A6
28	001112	Vũ Minh Quang	19	11A6
29	000911	Nguyễn Văn Minh Quân	11	11A6
30	000920	Nguyễn Đình Quốc	11	11A6
31	000857	Lê Hồng Thanh	9	11A6
32	001132	Phạm Ngọc Hương Thảo	20	11A6
33	000776	Trần Huỳnh Tiến	5	11A6
34	000671	Lê Toàn	1	11A6
35	000888	Trần Lê Ngọc Trang	10	11A6
36	000849	Hồ Phương Trinh	8	11A6
37	001187	Nguyễn Ngô Thùy Trinh	22	11A6
38	001100	Nguyễn Thanh Trúc	19	11A6
39	000701	Đào Duy Tùng	2	11A6
40	000696	Trần Cao Thanh Vân	2	11A6
41	000870	Lê Nguyễn Tường Vy	9	11A6
42	000685	Nguyễn Trần Khánh Vy	1	11A6
43	000681	Võ Nguyễn Tường Vy	1	11A6
44	000865	Trần Phan Vỹ	9	11A6

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001048	Phan Nguyễn Hùng Anh	16	11A7
2	001050	Nguyễn Hồng Ân	17	11A7
3	001051	Đào Trung Bảo	17	11A7
4	001052	Dương Thùy Dung	17	11A7
5	001143	Phạm Thanh Hải	20	11A7
6	000811	Phạm Hồng Hân	7	11A7
7	001054	Trần Lê Hoàn	17	11A7
8	001057	Hà Nhựt Khang	17	11A7
9	001056	Lê Nguyên Khang	17	11A7
10	001058	Phạm Lương Khiêm	17	11A7
11	000812	Nguyễn Đăng Anh Khoa	7	11A7
12	000815	Dương Thị Kim Liên	7	11A7
13	001061	Phan Thị Trà My	17	11A7
14	001170	Nguyễn Hoàng Ngọc Mỹ	22	11A7
15	000817	Nguyễn Choi Hàn Na	7	11A7
16	000819	Nguyễn Thành Nam	7	11A7
17	000820	Ngô Hoàng Bích Ngân	7	11A7
18	000821	Nguyễn Minh Phương Nghi	7	11A7
19	001063	Lê Trọng Nguyên	17	11A7
20	000824	Bùi Lê Quỳnh Nhi	7	11A7
21	000825	Phan Thảo Nhi	7	11A7
22	000827	Trần Lê Quỳnh	7	11A7
23	001145	Lê Hữu Trung Thiện	21	11A7
24	001068	Nguyễn Đức Thiện	17	11A7
25	001069	Trần Tiến Thịnh	17	11A7
26	000831	Đỗ Đăng Thuận	7	11A7
27	000832	Nguyễn Thị Phương Thùy	7	11A7
28	001071	Nguyễn Thanh Thủy	17	11A7
29	001146	Trần Đào Đình Thương	21	11A7
30	001073	Huỳnh Trung Tín	18	11A7
31	001072	Trần Đức Tín	17	11A7
32	001147	Phan Hoàng Ngọc Trâm	21	11A7
33	001148	Roãn Nguyễn Thanh Trúc	21	11A7
34	001075	Hồ Nguyễn Xuân Tuyền	18	11A7
35	001078	Tổng Thụy Vân	18	11A7
36	001079	Nguyễn Thế Vinh	18	11A7
37	000835	Trương Minh Vũ	8	11A7
38	001149	Nguyễn Đình Anh Vương	21	11A7
39	000834	Phạm Phương Trinh	8	11A7

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000734	Hồ Nguyệt An	3	11A8
2	000944	Nguyễn Thụy Phương Anh	12	11A8
3	000874	Đỗ Xuân Bách	9	11A8
4	000941	Đặng Gia Bảo	12	11A8
5	000995	Hoàng Đức Gia Bảo	14	11A8
6	000859	Lê Vĩnh Bảo	9	11A8
7	000851	Nguyễn Nguyễn Gia Bảo	8	11A8
8	000925	Nguyễn Trần Thái Bảo	11	11A8
9	001010	Đỗ Hữu Bằng	15	11A8
10	000897	Phan Thanh Bình	10	11A8
11	000894	Trần Linh Chi	10	11A8
12	000872	Lê Trần Bảo Duy	9	11A8
13	001135	Huỳnh Minh Đức	20	11A8
14	000667	Nguyễn Nguyễn Hải	1	11A8
15	000879	Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	9	11A8
16	001086	Nguyễn Ngọc Gia Hân	18	11A8
17	001157	Nguyễn Thu Hiền	21	11A8
18	001091	Phạm Minh Hoàng	18	11A8
19	000943	Nguyễn Quang Huy	12	11A8
20	000854	Trương Quý Khiêm	8	11A8
21	000782	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khôi	5	11A8
22	000891	Lưu Thanh Kiệt	10	11A8
23	000947	Trần Thị Nguyệt Linh	12	11A8
24	001166	Lâm Đại Long	21	11A8
25	001013	Trần Xuân Lộc	15	11A8
26	000882	Nguyễn Văn Minh	10	11A8
27	000886	Trần Huỳnh Kiều My	10	11A8
28	000752	Trần Thảo My	4	11A8
29	000687	Nguyễn Đình Nam	1	11A8
30	000848	Trần Thị Bích Ngân	8	11A8
31	000991	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	14	11A8
32	000745	Trần Đăng Yến Nhi	4	11A8
33	000733	Trần Thiên Phước	3	11A8
34	000969	Nguyễn Lâm Thiên Thiên	13	11A8
35	000976	Trần Ngọc Thủy Tiên	13	11A8
36	000906	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	11	11A8
37	000937	Nguyễn Quỳnh Thanh Trúc	12	11A8
38	000850	Nguyễn Nhật Trường	8	11A8
39	000994	Lê Thanh Vy	14	11A8

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000910	Nguyễn Thúy Thùy An	11	11A9
2	001033	Lưu Hải Anh	16	11A9
3	000972	Nguyễn Lê Hà Anh	13	11A9
4	000939	Huỳnh Ngọc Anh	12	11A9
5	001109	Tăng Thê Bá	19	11A9
6	001127	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	20	11A9
7	000917	Võ Ngọc Kiều Diễm	11	11A9
8	000926	Khổng Bảo Đình	11	11A9
9	001031	Ngô Bảo Duy	16	11A9
10	001025	Nguyễn Đại	16	11A9
11	000777	Nguyễn Thị Thu Hà	5	11A9
12	000974	Nguyễn Văn Hà	13	11A9
13	001026	Ngô Thị Mỹ Hiền	16	11A9
14	000934	Nguyễn Thê Huân	12	11A9
15	001017	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	15	11A9
16	000935	Nguyễn Đăng Khoa	12	11A9
17	001122	Trần Duy Khoa	20	11A9
18	000988	Lê Trung Kiên	14	11A9
19	001092	Phạm Tuấn Kiệt	18	11A9
20	000953	Nguyễn Vũ Quỳnh Lam	13	11A9
21	001083	Nguyễn Lê Hoàng Linh	18	11A9
22	001165	Thái Nguyễn Thùy Linh	21	11A9
23	000949	Huỳnh Hoàng Xuân Mai	12	11A9
24	001171	Hứa Hoàng Bảo Ngân	22	11A9
25	000950	Vũ Trần Thu Ngân	12	11A9
26	000968	Nguyễn Xuân Yến Nhi	13	11A9
27	001039	Trần Duy Phước	16	11A9
28	001120	Huỳnh Minh Quân	19	11A9
29	000992	Trịnh Xuân Thành	14	11A9
30	000802	Tạ Nguyên Thảo	6	11A9
31	000982	Nguyễn Hoàng Phước Thịnh	14	11A9
32	001114	Tăng Trường Thịnh	19	11A9
33	001130	Tạ Xuân Thông	20	11A9
34	000717	Ngô Thị Thủy Tiên	3	11A9
35	001128	Phạm Thanh Toàn	20	11A9
36	000986	Đàm Phương Bảo Trân	14	11A9
37	001024	Nguyễn Lê Thùy Trúc	15	11A9
38	000933	Trần Trung Trực	12	11A9
39	000837	Hồ Đăng Tuệ	8	11A9
40	000864	Phan Thị Ánh Tuyết	9	11A9
41	000915	Lê Cẩm Vy	11	11A9

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000785	Nguyễn Phạm Trúc An	6	11A10
2	001040	Nguyễn Văn Anh	16	11A10
3	000728	Vũ Vương Minh Anh	3	11A10
4	000786	Hoàng Ngọc Khánh An	6	11A10
5	001030	Nguyễn Lê Minh Châu	16	11A10
6	000908	Nguyễn Phan Chí Cơ	11	11A10
7	001123	Huỳnh Nguyễn Mỹ Duyên	20	11A10
8	000803	Đỗ Đình Đô	6	11A10
9	001125	Tạ Quang Đông	20	11A10
10	000788	Trần Thanh Hiền	6	11A10
11	000715	Cao Thanh Hiền	3	11A10
12	001002	Bùi Đức Huy	15	11A10
13	000735	Nguyễn Quang Huy	3	11A10
14	000806	Nguyễn Anh Gia Khánh	6	11A10
15	000774	Nguyễn Thị Mỹ Linh	5	11A10
16	000703	Nguyễn Hoàng Long	2	11A10
17	001129	Huỳnh Thị Trúc Ly	20	11A10
18	001032	Phùng Nguyễn Ngọc Minh	16	11A10
19	001044	Nguyễn Trần Thoại My	16	11A10
20	000769	Trần Đặng Kiều My	5	11A10
21	000798	Nguyễn Trần Phương Nam	6	11A10
22	000684	Lu Gia Nghi	1	11A10
23	001175	Đỗ Thái Khôi Nguyên	22	11A10
24	000900	Hàng Thy Nhã	10	11A10
25	001140	Nguyễn Đặng Duy Nhân	20	11A10
26	001023	Nguyễn Hưng Phát	15	11A10
27	000797	Trần Văn Phú	6	11A10
28	000743	Hồ Nhật Quảng	4	11A10
29	001043	Nguyễn Ngọc Minh Quân	16	11A10
30	000765	Trần Văn Quý	5	11A10
31	000770	Nguyễn Văn Quỳnh	5	11A10
32	001041	Hồ Tiến Sang	16	11A10
33	001131	Lý Thu Thảo	20	11A10
34	001005	Đàm Xuân Thuận	15	11A10
35	001141	Trần Ngọc Thủy Tiên	20	11A10
36	000799	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	6	11A10
37	000963	Nguyễn Bùi Ái Trân	13	11A10
38	001012	Lý Minh Trí	15	11A10
39	001022	Sử Hữu Thiên Trường	15	11A10
40	001042	Đoàn Huỳnh Hạ Vy	16	11A10
41	000773	Phạm Thanh Vy	5	11A10
42	001020	Đỗ Hoàng Yến	15	11A10
43	001134	Trần Bích Phương	20	11A10

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001047	Nguyễn An	16	11A11
2	001049	Hà Phương Anh	17	11A11
3	000807	Vũ Thị Vân Anh	6	11A11
4	000808	Đinh Ngọc Kim Dung	6	11A11
5	000809	Huỳnh Nhật Duy	7	11A11
6	000810	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	7	11A11
7	001053	Lê Tấn Đạt	17	11A11
8	001142	Lê Trần Thành Đạt	20	11A11
9	001155	Vũ Thu Hằng	21	11A11
10	001055	Bùi Huy Hoàng	17	11A11
11	000813	Đoàn Bảo Khoa	7	11A11
12	001059	Trần Anh Khoa	17	11A11
13	000814	Lê Thanh Kiều	7	11A11
14	001164	Ngô Mỹ Linh	21	11A11
15	000816	Hoàng Ngọc Mai	7	11A11
16	001060	Phạm Thị Xuân Mai	17	11A11
17	001144	Lê Thái Minh	20	11A11
18	000818	Mai Nhật Nam	7	11A11
19	001062	Nguyễn Thành Nam	17	11A11
20	000822	Lý Thanh Nghĩa	7	11A11
21	001174	Đinh Sử Đông Nguyên	22	11A11
22	001178	Nguyễn Trần Uyên Nhã	22	11A11
23	000823	Huỳnh Minh Nhật	7	11A11
24	001179	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22	11A11
25	001064	Hà Hồng Phúc	17	11A11
26	000826	Phạm Thiên Phúc	7	11A11
27	000828	Nguyễn Phúc Thiên Sa	7	11A11
28	001065	Nguyễn Tấn Tài	17	11A11
29	000829	Ngô Trương Phương Thảo	7	11A11
30	001067	Nguyễn Huỳnh Hữu Thắng	17	11A11
31	000830	Thạch Minh Thịnh	7	11A11
32	001070	Đặng Văn Thông	17	11A11
33	000833	Trần Ngọc Anh Thư	8	11A11
34	001186	Lê Thụy Băng Trinh	22	11A11
35	001074	Trần Thị Việt Trinh	18	11A11
36	001188	Phạm Nguyên Tú	22	11A11
37	001076	Mai Cát Tường	18	11A11
38	001077	Nguyễn Kim Uyên	18	11A11
39	001080	Nguyễn Anh Vỹ	18	11A11
40	001192	Vũ Hoàng Di Ý	22	11A11

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000989	Nguyễn Phương Hoàng Anh	14	11A12
2	000731	Trần Hà Anh	3	11A12
3	000868	Trần Thị Quỳnh Anh	9	11A12
4	000670	Đổng Thiên Ân	1	11A12
5	000771	Cao Mỹ Bình	5	11A12
6	001154	Đào Trường Dũng	21	11A12
7	000948	Nguyễn Anh Duy	12	11A12
8	001102	Nguyễn Ngọc Minh Đức	19	11A12
9	001097	Già Võ Anh Hòa	19	11A12
10	001158	Nguyễn Thị Hiền Hòa	21	11A12
11	000844	Hồ Đình Quốc Huy	8	11A12
12	000912	Lý Gia Huy	11	11A12
13	000845	Nguyễn Triệu Huy	8	11A12
14	000895	Phạm Quang Huy	10	11A12
15	000956	Trần Nguyễn Thụy Khanh	13	11A12
16	000836	Phan Anh Kỳ	8	11A12
17	001168	Trần Thành Long	21	11A12
18	000682	Trần Thiên Lộc	1	11A12
19	000873	Đoàn Thị Kim Ngân	9	11A12
20	000673	Nguyễn Ngọc Hoàng Nhi	1	11A12
21	000855	Trần Hữu Phát	8	11A12
22	001015	Phạm Hoàng Phúc	15	11A12
23	000930	Hồ Minh Phương	12	11A12
24	000666	Ngô Thúy Phương	1	11A12
25	000669	Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương	1	11A12
26	001180	Lê Nguyễn Minh Quân	22	11A12
27	000936	Nguyễn Ngọc Mai Thanh	12	11A12
28	000698	Nguyễn Ngọc Mỹ Thanh	2	11A12
29	000708	Võ Dương Thanh Thủy	2	11A12
30	000737	Ngô Thái Minh Tiến	4	11A12
31	000923	Lê Thị Ngọc Trâm	11	11A12
32	001084	Bùi Bảo Trân	18	11A12
33	000889	Lê Hoàng Bảo Trân	10	11A12
34	000716	Lê Huỳnh Bảo Trân	3	11A12
35	000839	Đào Thanh Trúc	8	11A12
36	000967	Hà Văn Tuấn	13	11A12
37	000883	Phạm Ngọc Tú Uyên	10	11A12
38	000993	Nguyễn Hoàng Đức Việt	14	11A12
39	001009	Huỳnh Ngọc Thảo Vy	15	11A12
40	000892	Phạm Kiều Vy	10	11A12

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001126	Đỗ Thụy Trâm Anh	20	11A13
2	001089	Lê Thị Lan Anh	18	11A13
3	000929	Phan Ngọc Phương Anh	12	11A13
4	000903	Từ Huỳnh Thy Anh	10	11A13
5	001117	Hoàng Trọng Bảo	19	11A13
6	001093	Nguyễn Gia Bảo	18	11A13
7	001107	Phạm Nhật Đăng	19	11A13
8	001151	Huỳnh Xuân Đức	21	11A13
9	001036	Dư Lê Chí Hào	16	11A13
10	000714	Trần Nguyễn Xuân Hiên	3	11A13
11	000904	Ngô Sĩ Hoàng	10	11A13
12	000928	Nguyễn Việt Khánh Hoàng	11	11A13
13	000922	Trần Nguyễn Mai Huệ	11	11A13
14	000875	Huỳnh Trần Quốc Huy	9	11A13
15	001088	Nguyễn Quang Huy	18	11A13
16	001101	Phạm Đắc Trường Huy	19	11A13
17	000952	Trần Gia Huy	12	11A13
18	001090	Đậu Thị Quỳnh Hương	18	11A13
19	000878	Lê Huỳnh Đăng Khoa	9	11A13
20	000840	Lee Chang My	8	11A13
21	001018	Trần Hoàng Nguyên	15	11A13
22	001094	Dương Ngọc Uyên Nhi	18	11A13
23	000997	Nguyễn Thiên Phúc	14	11A13
24	000958	Phạm Lê Hoàng Phúc	13	11A13
25	000881	Nguyễn Trần Nam Phương	10	11A13
26	000866	Võ Nguyễn Minh Quân	9	11A13
27	001182	Phạm Quý	22	11A13
28	001183	Vương Ngọc Như Quỳnh	22	11A13
29	001184	Nguyễn Thị Minh Tâm	22	11A13
30	001066	Hà Phương Thảo	17	11A13
31	001108	Nguyễn Phước Thịnh	19	11A13
32	000887	Lưu Trúc Tiên	10	11A13
33	001038	Nguyễn Minh Tiến	16	11A13
34	000867	Trần Phạm Ngọc Trinh	9	11A13
35	000898	Lý Thanh Trúc	10	11A13
36	001119	Trần Quốc Trung	19	11A13
37	001104	Võ Ngọc Kim Tuyền	19	11A13
38	001113	Nguyễn Hải Văn	19	11A13
39	000964	Lê Hà Nhật Vy	13	11A13
40	000846	Nguyễn Hoàng Bảo Vy	8	11A13

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001150	Huỳnh Thị Hoàng Anh	21	11A14
2	000858	Nguyễn Ngọc Phương Anh	9	11A14
3	001116	Nguyễn Quốc Anh	19	11A14
4	000791	Lê Thị Huyền Diệu	6	11A14
5	001121	Trương Tây Duy	20	11A14
6	001096	Nguyễn Ngọc Phúc Duyên	18	11A14
7	000721	Nguyễn Lê Quốc Đạt	3	11A14
8	001124	Hồ Gia Hân	20	11A14
9	000884	Nguyễn Thị Thu Hiền	10	11A14
10	000981	Nguyễn Tài Hiếu	14	11A14
11	000677	Lê Văn Thanh Hoàng	1	11A14
12	001087	Nguyễn Minh Hùng	18	11A14
13	000901	Mai Hương Ngọc Lan	10	11A14
14	000983	Phan Trần Khánh Linh	14	11A14
15	001153	Chu Phú Mạnh	21	11A14
16	001115	Hoàng Yến Ngọc	19	11A14
17	000683	Nguyễn Hạnh Nguyên	1	11A14
18	000979	Lương Lâm Yên Nhi	14	11A14
19	001006	Nguyễn Tân Phong	15	11A14
20	000905	Nguyễn Quang Duy Quang	11	11A14
21	000856	Hoàng Nhật Quân	8	11A14
22	000959	Lê Hoàng Tú Quyên	13	11A14
23	000690	Hoàng Phạm Như Quỳnh	2	11A14
24	000710	Văn Như Quỳnh	2	11A14
25	001019	Trương Đức Sang	15	11A14
26	000711	Lâm Nguyễn Anh Thư	2	11A14
27	001152	Lê Anh Thư	21	11A14
28	000869	Trương Hoàng Anh Thư	9	11A14
29	001099	Nguyễn Thị Thủy Tiên	19	11A14
30	000778	Nguyễn Đoàn Công Tiến	5	11A14
31	000977	Nguyễn Thanh Trà	14	11A14
32	000694	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	2	11A14
33	000863	Lê Thảo Phương Trinh	9	11A14
34	000978	Hồ Đặng Minh Tú	14	11A14
35	001189	Nguyễn Anh Tuấn	22	11A14
36	001103	Đào Đức Tùng	19	11A14
37	000938	Lâm Phương Uyên	12	11A14
38	000914	Nguyễn Bùi Như Uyên	11	11A14
39	001133	Trần Đặng Khánh Vinh	20	11A14
40	000919	Nguyễn Tường Khánh Vy	11	11A14

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	001085	Phạm Trần Văn Anh	18	11A15
2	000871	Quách Tiến Anh	9	11A15
3	001156	Lương Công Hiền	21	11A15
4	000762	Hoàng Quốc Khánh	5	11A15
5	001161	Lao Quang Kiệt	21	11A15
6	000860	Nguyễn Linh Lam	9	11A15
7	001162	Nguyễn Khánh Linh	21	11A15
8	000876	Nguyễn Hải Minh	9	11A15
9	001082	Ngô Nhật Nam	18	11A15
10	000691	Trịnh Hoàng Nam	2	11A15
11	001172	Lê Ngọc Song Nghi	22	11A15
12	000996	Nguyễn Như Ngọc	14	11A15
13	000924	Nguyễn Phước Nguyên	11	11A15
14	001081	Hồ Thanh Nhân	18	11A15
15	000893	Nguyễn Trần Hồng Nhung	10	11A15
16	001001	Vũ Tấn Phước	15	11A15
17	001181	Trương Phú Quý	22	11A15
18	000748	Trần Lê Khánh Quỳnh	4	11A15
19	001137	Nguyễn Văn Hoàng Sơn	20	11A15
20	001138	Bùi Ngọc Trí Thanh	20	11A15
21	000676	Văn Công Thắng	1	11A15
22	001004	Đỗ Quang Thiện	15	11A15
23	000729	Ninh Thị Thanh Thùy	3	11A15
24	001003	Lê Anh Thư	15	11A15
25	001185	Nguyễn Ngọc Anh Thư	22	11A15
26	001021	Trần Minh Anh Thư	15	11A15
27	000746	Nguyễn Trần Hữu Trí	4	11A15
28	000971	Phạm Thanh Trúc	13	11A15
29	001095	Đương Trí Trường	18	11A15
30	001029	Vũ Hữu Tuấn	16	11A15
31	001190	Đinh Thị Phương Uyên	22	11A15
32	000907	Nguyễn Thị Phương Uyên	11	11A15
33	001191	Nguyễn Thị Thanh Vân	22	11A15
34	001110	Trung Thiên Vũ	19	11A15
35	000862	Ngô Thị Tường Vy	9	11A15
36	000766	Phạm Nguyễn Phương Vy	5	11A15
37	000853	Văn Thị Kim Yến	8	11A15
38	000990	Võ Thế Vinh	14	11A15